

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 02 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà M.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1972 (có Mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T L, xã Tân T, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn U chung sống vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, không Đ ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh U thường hay đánh chị đã ly thân 6 tháng nay. Nay chị C xin ly hôn anh U.

- Về con chung: Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1993, Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh Nhật Đ, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, chị C không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ không có.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh U và chị C kết hôn vào ngày 11/02/1992. Quá trình chung sống thời gian gần đây do chị C có nhả tin với người đàn ông khác nên anh có đánh chị C. Nay anh U không đồng ý ly hôn chị C.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn U kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không Đ ký kết hôn. Chị C có yêu cầu ly hôn, anh U không đồng ý. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không Đ ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không Đ ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ: Xét thấy, con chung của anh chị đã trưởng thành, tài sản chung, nợ không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000198 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà M; chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị C và anh U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THATAND tỉnh Cà M;
- VKSND khu vực 4 – Cà M;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biện Thị Nhung

